



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI
XI MĂNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 290 đường Hà Nội - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3540445 - Fax: 0225.3540417

Email: vtxmhp@gmail.com Website: <http://vtxmhp.com>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG
NĂM 2018

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu phòng KTTC, VT.

Hải phòng: ngày 29 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng
Năm báo cáo 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Hai Phong cement transport & trading JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200577563
- Vốn điều lệ: 20.163.850.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.163.850.000 đồng
- Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0225.3540418
- Số Fax: 0225.3540417
- Website: <http://vtxmhp.com>
- Mã cổ phiếu: HCT

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quyết định số : 1753/QĐ-BXD ngày 29/12/2003 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thủy -đơn vị trực thuộc Công ty xi măng Hải Phòng thành Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.
- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Mã số doanh nghiệp là : 02000577563 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2004 (thay đổi lần 1 ngày 22/06/2007, lần thứ 2 ngày 13/09/2008, lần thứ 3 ngày 20/10/2010 và lần thứ 4 ngày 14/05/2015) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Hải Phòng cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Vận tải hàng hóa đường thủy, Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ bốc xúc gạt nguyên vật liệu, nạo vét luồng lạch bằng pông tông, Vận chuyển hành khách đường bộ, Kinh doanh kho, bến bãi, Kinh doanh nhà hàng ; Vận tải hàng hóa bằng đường biển ; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh, thành trong nước.

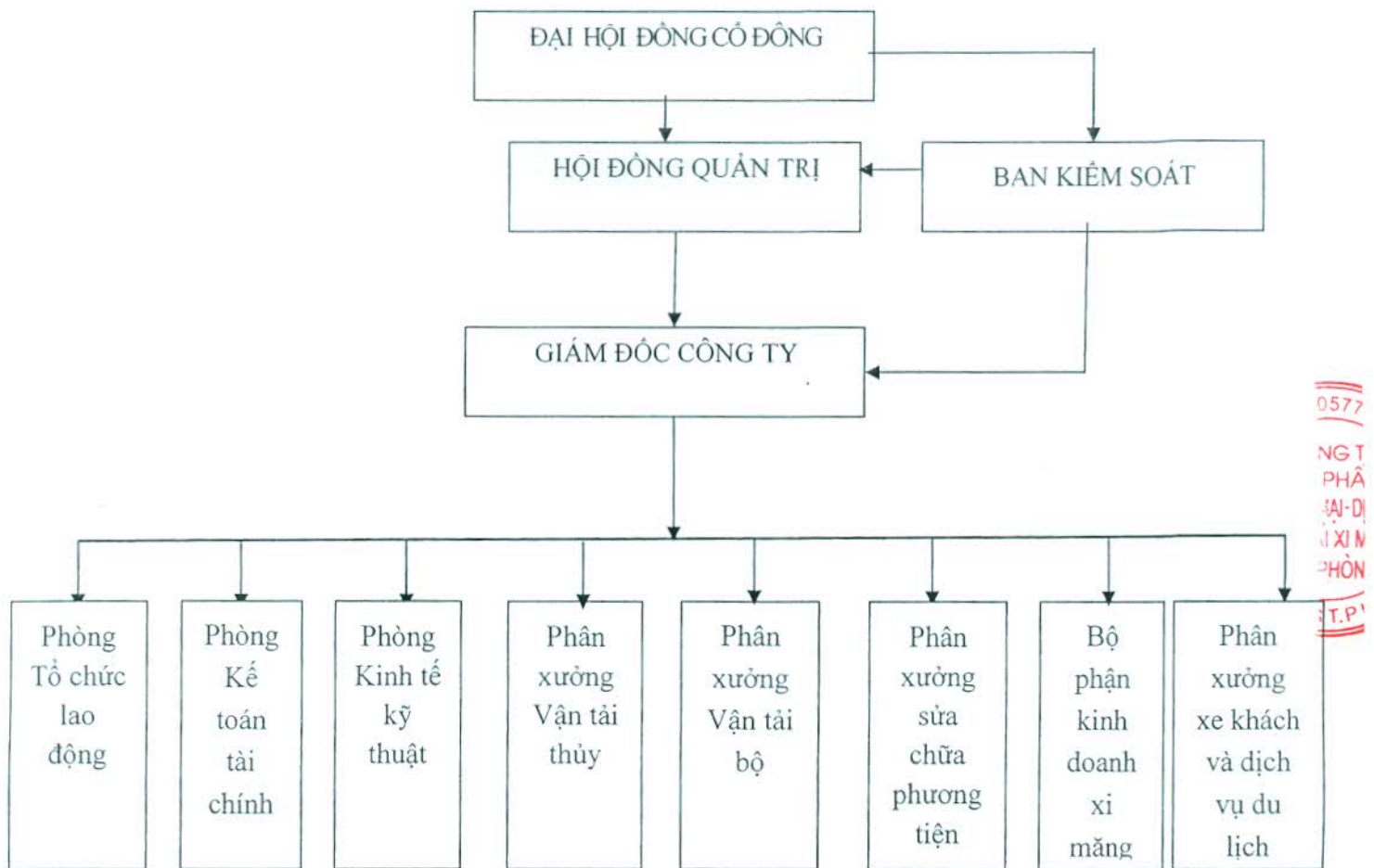
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần niêm yết có vốn Nhà Nước chi phối.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

0200577563
CC
CC
CÔNG
TY
VẬN
TẢI
XI
MĂNG
HẢI
PHÒNG

o

Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty như sau



0577
NG T
PHÃ
SAI-DI
XI N
PHON
T.P.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu kinh doanh của công ty là bám sát chiến lược phát triển của ngành xi măng và Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, nâng cao năng lực sản xuất, phát triển lĩnh vực thương mại và dịch vụ, mở rộng thị trường hoạt động; bảo toàn và phát triển vốn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược quản lý của công ty: theo đuổi mục tiêu xây dựng thương hiệu HCT có uy tín đối với các nhà đầu tư, mục tiêu xây dựng các tiêu chuẩn trong hoạt động của công ty đáp ứng các quy định theo ISO9001, ứng dụng những thành tựu của Internet trong quản lý để giảm chi phí kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận từ kinh doanh, hài hòa lợi ích của nhà đầu tư và CBCNV của công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Xây dựng môi trường hoạt động xanh sạch đẹp, an toàn và tiết kiệm năng lượng, chi phí dựa vào tuyên truyền nâng cao ý thức cho CBCNV; có ý thức đóng góp xây dựng cộng đồng nơi công ty hoạt động và các phong trào của địa phương cũng như Tổng công ty.

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty):

- Các rủi ro hoạt động: an toàn giao thông, an toàn hàng hải, phòng chống cháy nổ.

a

- Rủi ro chính sách: biến động tăng tiền lương tối thiểu, tiền thuê đất, thuế TNDN, thuế GTGT.

- Tài chính: chính sách tiền tệ, lãi tiền gửi.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv:

Những khó khăn và thuận lợi năm 2018:

a. Thuận lợi

- Đơn vị luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Sự tạo điều kiện giúp đỡ của Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng; Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1; Công ty cổ phần xi măng Hạ Long; Công ty Cổ phần tài chính xi măng và các đơn vị bạn về thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Tập thể Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đoàn kết, thống nhất cao trong hành động và triển khai thực hiện nhiệm vụ;

- Đội ngũ CBCNV lành nghề có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm trong kinh doanh xi măng, khai thác vận tải biển, vận tải thủy, vận tải bộ, xếp dỡ, sửa chữa phương tiện...

b. Khó khăn

Năm 2018, Công ty đã gặp một số khó khăn làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của từng bộ phận cụ thể:

- Phương tiện vận tải cũ, đến kỳ phải sửa chữa bảo dưỡng làm ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển;

- Giá nhân công, vật tư phụ tùng phục vụ cho công tác sửa chữa tăng;

- Giá dầu Diesel bình quân năm 2018 tăng 2.382 đ/lít so với cùng kỳ; tương tự giá xăng A92 tăng 582 đ/lít dẫn đến tổng chi phí nhiên liệu trong giá thành vận tải tăng 958 Tr.đ;

- Thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh quyết liệt do có nhiều chủng loại xi măng tham gia dẫn đến cung vượt cầu, giá bán chênh lệch cao làm ảnh hưởng đến sản lượng và hiệu quả kinh doanh;

- Vận tải bộ; Bốc xúc: Do Công ty Xi măng Hải Phòng làm tốt công tác luân chuyển xuất nhập nguyên liệu, giảm lượng rút Clinker chuyên kho, chuyên bãi nên sản lượng giảm mạnh so với cùng kỳ và kế hoạch đề ra;

- Vận tải thủy: tàu HP2704 vận chuyển xi măng tiêu thụ cả năm là 28 chuyến bằng 17.027 tấn, bình quân 2,33 chuyến/ tháng, do tình hình tiêu thụ xi măng vẫn còn chậm, dẫn đến hệ số quay vòng phương tiện chưa cao; Đối với 2 tàu chở sét đáp ứng tốt nhu cầu cho Công ty Xi măng Hải Phòng, bình quân 11,5 chuyến/tháng-tàu;

- Vận tải biển: Do sức ép giảm chi phí sản xuất, các Công ty xi măng tiếp tục nâng cao quản trị, điều tiết luân chuyển nguyên liệu hợp lý, phù hợp điều kiện sản xuất dẫn đến tuyến vận chuyển của đơn vị giảm. Đầu tháng 7 đơn vị đã bàn giao tàu CFC03 cho Công ty tài chính cổ phần Tín Việt, công tác khai thác dịch vụ tàu biển gặp nhiều khó khăn do đơn giá tàu dịch vụ thuê ngoài tăng cao nên từ tháng 7 đơn vị đã tạm dừng khai thác, chờ theo dõi diễn biến mới. Vì vậy, sản lượng và doanh thu tàu biển giảm mạnh so với kế hoạch đề ra.

- Xe ka chuyên chở CBCNV Công ty Xi măng Hải Phòng đi làm có xu hướng giảm do Công ty Xi măng Hải Phòng giảm biên lao động. Xe khai thác hợp đồng du lịch ngoài gặp nhiều khó khăn do phương tiện đã cũ, yêu cầu khách hàng ngày càng cao.



Các nguyên nhân khó khăn khách quan trên làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, doanh thu và hiệu quả SXKD của đơn vị.

Kết quả sản xuất kinh doanh:

a. Sản lượng :

| Stt | Sản lượng | ĐVT | KH 2018 | TH 2018 | TH 2017 | So sánh với KH (%) | So sánh với cùng kỳ (%) |
|-----|--------------------|--------|---------|---------|---------|--------------------|-------------------------|
| 1 | Kinh doanh xi măng | Tấn | 65.500 | 65.703 | 63.146 | 100,31 | 104,05 |
| 2 | Vận tải thủy | Tấn | 282.960 | 295.605 | 272.847 | 104,47 | 108,34 |
| 3 | Vận tải bộ | Tấn | 447.468 | 630.009 | 475.754 | 140,79 | 132,42 |
| 4 | Bốc, xúc, gạt | Tấn | 336.000 | 569.424 | 354.593 | 169,47 | 160,59 |
| 5 | Xe khách | Chuyến | 5.304 | 5.338 | 5.372 | 100,64 | 99,37 |
| 6 | Vận tải biển | Tấn | 134.590 | 123.734 | 187.874 | 91,93 | 65,86 |

b. Các chỉ tiêu tài chính :

| Stt | Chỉ tiêu Tài chính | ĐVT | KH 2018 | TH 2018 | TH 2017 | So sánh TH với KH (%) | So sánh TH với cùng kỳ (%) |
|-----|----------------------|---------|---------|---------|---------|-----------------------|----------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 108,109 | 122,701 | 116,8 | 113,50 | 105,05 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,400 | 2,773 | 2,350 | 115,54 | 118,00 |
| 3 | Quỹ lương | Tỷ đồng | 10,600 | 10,950 | 10.254 | 103,30 | 106,78 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 3,350 | 4,180 | 3,97 | 124,77 | 105,29 |
| 5 | Cổ tức | % | 6 | 7 | 6 | 116,67 | 116,67 |
| 6 | Đầu tư | Tỷ đồng | 2,250 | 1,037 | 0,318 | 46,08 | 326,10 |

- Tổng doanh thu đạt 122,701 tỷ đồng bằng 113,5% KH và bằng 105,05% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt : 2,773 tỷ đồng bằng 115,54%KH và bằng 118% so với cùng kỳ.
- Tổng quỹ tiền lương năm 2018: 10,950 tỷ đồng đạt 103,30% KH và bằng 106,78% so với cùng kỳ.
- Nộp ngân sách : 4,180 tỷ đồng bằng 124,77% KH năm và bằng 105,29% so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):



| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Số cổ phần | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------|------------|---|
| 1 | Ông Khoa Năng Tuyên | Giám đốc | 0 | |
| 2 | Ông Phạm Thế Hưng | Phó Giám đốc | 271.500 | Phần vốn được VICEM giao ngày 17/04/2018: 271.500CP |
| 3 | Ông Lê Văn Thắng | Phó Giám đốc | 274.000 | Phần vốn được VICEM giao ngày 17/04/2018: 271.500CP |
| 4 | Ông Vũ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 0 | |

Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

| | | | |
|---|-------------------|----------------------|--|
| 3 | Ông Vũ Thanh Tùng | Trưởng phòng Kế toán | Bổ nhiệm chức Kế toán trưởng từ 14/05/2018 |
|---|-------------------|----------------------|--|

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số CBCNV năm 2018: 101 người, trong đó:

| Trình độ người lao động | Năm 2018 | Tỷ lệ % |
|------------------------------|------------|------------|
| Trình độ Đại học | 23 | 22,77 |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp | 03 | 2,97 |
| Công nhân kỹ thuật | 75 | 74,26 |
| Tổng lao động | 101 | 100 |

b. Chính sách đối với người lao động :

- *Chế độ làm việc*

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h đối với các bộ phận văn phòng.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ cho mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ.

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo tại nơi làm việc: tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

Công ty có chế độ lương riêng và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách trả lương theo công việc và bình xét các danh hiệu thi đua như lao động giỏi, chiến sỹ thi đua cấp công ty, Tổng Công ty, Bộ Xây dựng. Ngoài ra, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách thưởng theo năm.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn- Thể - Mỹ.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Công tác đầu tư : Năm 2018 Công ty đầu tư 02 xe tải ben tự đổ 9,1 tấn/xe, tổng giá trị là 1,037 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có của Công ty, đưa vào khai thác từ đầu tháng 10/2018 phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa kết hợp trung chuyển xi măng đáp ứng nhu cầu kế hoạch của khách hàng và mục tiêu phát triển kinh doanh xi măng của Công ty.

4. Tình hình tài chính

Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Đơn vị không có công ty con, công ty liên kết.

a. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng giảm |
|--|-----------------|-----------------|-------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 48.778.494.462 | 47.702.582.595 | -2,21 |
| Doanh thu thuần | 116.234.790.492 | 122.142.702.481 | +5,08 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.034.184.659 | 2.767.805.600 | +36,06 |
| Lợi nhuận khác | 316.455.502 | 5.416.890 | -98,29 |

1577
 NG T
 PHẢI
 HAI-DI
 XI M
 PHON
 3.T.P

| | | | |
|----------------------------|---------------|---------------|--------|
| Lợi nhuận trước thuế | 2.350.640.161 | 2.773.222.490 | +17,98 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.870.772.129 | 2.197.553.445 | +17,47 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 6% | 7% | +16,67 |

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất):

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 3,55 | 4,62 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 3,29 | 4,52 | |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 14,67% | 11,67% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 17,20% | 13,22% | |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ | 63,65 | 108,60 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,38 | 2,56 | |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số LNST/Doanh thu thuần | 1,61% | 1,80% | |
| + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu | 4,49% | 5,22% | |
| + Hệ số LNST/Tổng tài sản | 3,83% | 6,61% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 1,75% | 2,27% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài:

- Tổng số cổ phiếu: 2.016.385 CP.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.016.385 CP.
- Số lượng cổ phiếu phổ thông: 2.016.385 CP.

b. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.



| Stt | Cổ đông | Tỷ lệ % | Đầu kỳ | Cuối kỳ |
|-----|---|---------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam | 53,86 | 10.860.400.000 | 10.860.400.000 |
| 2 | Cổ đông khác | 46,14 | 9.303.450.000 | 9.303.450.000 |
| | Tổng cộng | 100,00 | 20.163.850.000 | 20.163.850.000 |

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần: Trong năm 2018 không có phát sinh.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Trong năm 2018 không có phát sinh.

e. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Trong năm 2018 không có phát sinh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có):

a. Đánh giá sản lượng thực hiện :

- Sản lượng tiêu thụ xi măng của đơn vị đạt 65.703 Tấn bằng 100,31% KH năm và bằng 104,05% so với cùng kỳ năm 2017.

- Sản lượng vận tải thủy đạt 295.605 Tấn bằng 104,47% KH năm ; bằng 108,34% so với cùng kỳ năm 2017.

- Sản lượng vận tải bộ đạt 630.009 Tấn bằng 140,79% KH ; bằng 132,42% cùng kỳ 2017 ; Xúc gạt đạt 569.424 Tấn bằng 169,47% KH năm ; bằng 160,59% cùng kỳ 2017.

- Sản lượng xe khách đạt 5.338 chuyến bằng 100,64% KH năm và bằng 99,37% cùng kỳ 2017.

b. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng năm 2018 :

- Chính sách khuyến mại, chính sách giá bán ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ và sức cạnh tranh.

- Chi phí lưu thông tăng: phí sử dụng đường bộ, chi phí bốc xếp, mức phạt vi phạm giao thông.

- Mức độ cạnh tranh thị trường diễn ra với mức độ ngày càng cao giữa các đại lý trong cùng một sản phẩm trên địa bàn và giữa các thương hiệu khác nhau.

- Tình hình suy giảm kinh tế vĩ mô làm giảm một phần lớn nhu cầu tiêu thụ.

*Tình hình thị trường tại các địa bàn chính của công ty :

- Đơn vị là Nhà phân phối cấp 1 tiêu thụ xi măng cho Công ty XMHP, chi bán duy nhất sản phẩm xi măng của Công ty XMHP.
- Địa bàn tiêu thụ xi măng của đơn vị chủ yếu là nội ngoại thành Hải Phòng.
- *Các giải pháp đã thực hiện năm 2018:
 - Trong năm 2018 Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tập trung trong việc chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt công tác kế hoạch thị trường, thành lập tổ thị trường để tổ chức triển khai mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng và dịch vụ của Công ty, nghiên cứu xây dựng các giải pháp, chính sách kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm thúc đẩy sản lượng, doanh thu đáp ứng được yêu cầu đề ra.
 - Cơ cấu lại sản xuất, phát huy tối đa nguồn lực Công ty, đồng thời phát triển mạnh hướng dịch vụ, tận dụng nguồn lực của xã hội để mở rộng sản xuất đáp ứng yêu cầu kế hoạch.
 - Giữ vững ngành nghề truyền thống đồng thời bám sát chiến lược là kinh doanh xi măng Hải Phòng và vận tải biển, trong đó tiêu thụ xi măng cho Công ty Xi măng Hải Phòng là ưu tiên số 1.
 - Phát huy tối đa nội lực hiện có, điều phối phương tiện hiệu quả, đồng thời sử dụng năng lực xã hội phục vụ cho mục tiêu phát triển Công ty.
 - Đẩy mạnh công tác kiêm nhiệm, hợp tác bán xi măng, tìm kiếm mở rộng thị trường đặc biệt là đầu tư thêm 02 xe tải ben trọng tải 9,1 tấn phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa kết hợp trung chuyển xi măng đến các đại lý đáp ứng yêu cầu SXKD và chiến lược phát triển của công ty năm 2018.
 - Tiếp tục đổi mới công tác quản trị, thực hiện mô hình lãnh đạo trực tuyến và kiêm nhiệm giúp điều hành hiệu quả hơn.
 - Công khai minh bạch cơ chế khai thác xe khách: khuyến khích động viên lái xe tích cực khai thác hợp đồng tăng doanh thu cho Công ty.
 - Quản lý và sử dụng tốt dòng tiền, cân đối tài chính giúp Công ty vẫn tiến hành sửa chữa lớn tàu biển Hồng Bàng 68 nhưng vẫn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 bảo toàn và phát triển vốn.
 - Tổ chức hội nghị khách hàng, gặp mặt các đại lý cấp 2 để thảo luận bàn các giải pháp phối hợp trong kinh doanh nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ theo mục tiêu thi đua đề ra.
 - Đơn vị đã phối hợp với Xí nghiệp tiêu thụ thường xuyên hợp với các nhà phân phối XMHP, thống nhất các giải pháp về thị trường, chính sách bán hàng và phương thức điều phối, giám sát thực hiện. Kết quả giảm được tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, ổn định sản lượng tiêu thụ.
 - Đẩy mạnh khai thác hợp đồng xe ca, vận chuyển phụ gia để tăng doanh thu.
 - Tìm kiếm thêm việc nạo vét cảng cho Công ty xi măng Hải Phòng để tạo thêm việc làm thu nhập cho người lao động.
 - Chủ động sửa chữa bảo dưỡng phương tiện phục vụ sản xuất đảm bảo hiệu quả và an toàn.
 - Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 kịp thời theo đúng hướng dẫn của Tổng công ty CN XMVN.
 - Đã triển khai công tác kiểm kê và quyết toán năm 2018.
 - Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, công tác tự đào tạo tại đơn vị cho CBCNV về các nội dung văn hóa doanh nghiệp, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp.
 - Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và sự đoàn kết thống nhất của tập thể CBCNV; đơn vị đã nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn hoàn thành toàn diện mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2018.



2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh):

Tổng giá trị tài sản: 47.702.582.595 đồng

Tài sản ngắn hạn: 25.724.423.768 đồng bằng 53,92 % Tổng tài sản

Tài sản dài hạn: 21.978.158.827 đồng bằng 46,08 % Tổng tài sản

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Tình hình công nợ không có biến động lớn

Tổng nguồn vốn: 47.702.582.595 đồng

Nợ phải trả: 5.569.261.926 đồng bằng 11,67% Tổng nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu: 42.133.320.669 bằng 88,33% Tổng nguồn vốn

- Phân tích nợ phải thu xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay; công nợ Công ty không có phát sinh bằng ngoại tệ vì vậy không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá;

Một số khách hàng còn chiếm dụng vốn lưu động như:

| Tên khách hàng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Căn cứ trích lập dự phòng |
|---|-------------------|--------------------|------------------------|--------------------|---|
| Công ty CP Đức Minh | Trên 3 năm | 155.068.352 | | 155.068.352 | Cty đã áp dụng quy định tại TT 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn |
| Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh | Trên 3 năm | 98.000.000 | | 98.000.000 | |
| Công ty TNHH MTV Quảng Tân | Trên 3 năm | 65.500.000 | | 65.500.000 | |
| Bà Vũ Thị Thanh Vân | Trên 3 năm | 164.350.000 | | 164.350.000 | |
| Công ty TNHH Vận tải biển bộ Khánh Quân | Từ 1-2 năm | 57.503.500 | 28.751.750 | 28.751.750 | |
| Đối tượng khác | Trên 3 năm | 30.164.669 | | 30.164.669 | |
| Tổng cộng: | | 570.586.521 | 28.751.750 | 541.834.771 | |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cử hơn 10 lượt cán bộ đi đào tạo tại Viện Công nghệ xi măng; tham gia khảo luận thị trường; tổ chức cho 41 cán bộ học tập nghiệp vụ PCCC cấp chứng chỉ do cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ tổ chức theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức các lớp học chuyên môn nghiệp vụ, nâng bậc tại công ty cho CBCNV và thường xuyên cử cán bộ CNV đi tập huấn về chính sách thuế, BHXH, an toàn lao động.

- Tuyển dụng sỹ quan thuyền viên đủ năng lực cho tàu biển Hồng Bàng 68 và tàu CFC03

- Giải quyết nghỉ chế độ cho người lao động theo quy định.

Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Chỉ tiêu sản lượng :

00577
CÔNG T
PH
MAI-D
ÁI XI M
PHON
G.T.P

o

| Stt | Hoạt động | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------|----------------|----------------------|
| 1 | Kinh doanh xi măng | Tấn | 70.000 |
| 2 | Vận tải thủy | Tấn Tấn.km | 300.000 2.456.342 |
| 3 | Vận tải bộ | Tấn Tấn.km | 550.000 2.400.780 |
| 4 | Bốc xúc | Tấn | 480.000 |
| 5 | Vận tải biển | Tấn Tấn.km | 72.000 24.667.200 |
| 6 | Xe khách | Chuyến HKLC | 5.340 11.031.204 |

- Chỉ tiêu tài chính :

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thành tiền |
|-----|--------------------|---------|------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 120,319 |
| 2 | Quỹ lương | Tỷ đồng | 11,000 |
| 3 | Ngân sách Đầu tư | Tỷ đồng | 1,25 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 2,280 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 3,950 |

4 .Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018 HĐQT đã hợp thực hiện đúng chức năng quyền hạn của mình và kịp thời chỉ đạo giám sát cơ quan điều hành triển khai những nội dung chính sau: Các nội dung chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên, thanh lý tài sản để thu hồi vốn, các giải pháp tiết kiệm chi phí, công tác đầu tư, giao cơ quan điều hành nghiên cứu cơ chế để thúc đẩy bán hàng và dịch vụ, công tác đào tạo tuyển dụng bổ nhiệm cán bộ, cơ chế giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ trước tuổi, các biện pháp hoàn thành kế hoạch ngân sách ;

Hoạt động của HĐQT tuân thủ đúng theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, chịu sự giám sát của Ban kiểm soát và cổ đông. HĐQT đã cử ra Ban giám đốc điều hành để tổ chức sản xuất và điều hành doanh nghiệp thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định. Thực hiện chế độ họp giao ban và báo cáo định kỳ bằng văn bản, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD theo phân cấp quản lý.

HĐQT đã phân công cụ thể cho từng đồng chí ủy viên HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo ở các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành SXKD của công ty.

Đã xem xét bổ nhiệm một số chức danh cán bộ quản lý các phòng ban theo đề nghị của Ban Giám đốc.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc cơ quan quản lý bám sát mục tiêu ĐHCĐ đã đề ra.

- HĐQT chỉ đạo cơ quan điều hành thực hiện chế độ công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện đúng chế độ báo cáo quản lý vốn của người đại diện phần vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp theo Thông tư số: 33/2005/TT-BTC.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2019 trình Tổng công ty phê duyệt.
- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2018, trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, đóng đầy đủ BHXH cho người lao động theo quy định, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà Nước, Điều lệ công ty.
- Chỉ đạo cơ quan điều hành làm tốt công tác an toàn lao động, PCCC, an ninh trật tự, công tác từ thiện, chăm lo đời sống cho người lao động.
- Tạo điều kiện mọi mặt cho các tổ chức đoàn thể trong đơn vị hoạt động: tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, nữ công có rất nhiều thành tích được công đoàn Tổng công ty và công đoàn ngành khen thưởng hàng năm.
- Được Tổng công ty đánh giá xếp hạng Doanh nghiệp đạt loại A trong 10 năm liên tục;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Ban Giám đốc công ty:

Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch năm 2019 và các giải pháp đề hoàn thành mục tiêu; Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;

Ban Giám đốc thực hiện sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, năng động sáng tạo, có nhiều biện pháp tích cực và phù hợp trong quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tất cả những chỉ tiêu về SXKD, kế hoạch năm 2018 được Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam định hướng, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Nghị quyết đã được thực hiện cơ bản, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, công việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động được đảm bảo và ổn định. Trong năm 2018 mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô có rất nhiều khó khăn, Ban Giám đốc công ty đã triển khai các giải pháp kịp thời và đạt được những chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, năm 2018 tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. Hải Phòng đang dần hoàn thiện các cơ sở hạ tầng hiện đại, cùng với chính sách thu hút các nhà đầu tư trong thời gian tới, sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố là môi trường tốt cho các doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, đối với đơn vị vẫn còn nhiều khó khăn như biến động khó lường của giá cả vật liệu đầu vào cho sản xuất như giá xăng dầu, giá vật tư, nhân công sửa chữa liên tục tăng; mức độ cạnh tranh gia tăng, giá vận tải biển chạm đáy gây ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp vận tải.

Trước tình hình đó, HĐQT có các kế hoạch, định hướng như sau:

- Về chỉ đạo sản xuất kinh doanh:
 - + Xây dựng công ty theo hướng: “Đổi mới, linh hoạt, Chủ động, Hiệu quả”
 - + Đẩy mạnh hai mũi nhọn chiến lược là: phát triển mạnh kinh doanh xi măng và đại lý vận tải biển.
- Về đầu tư, thanh lý tài sản:
 - + Đầu tư thêm 02 xe tải ben trọng tải 9,1 tấn phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa kết hợp trung chuyển xi măng đến các đại lý đáp ứng yêu cầu SXKD và chiến lược phát triển của công ty năm 2018.
 - + Trong năm không thực hiện thanh lý TSCĐ.
- Về công tác cán bộ: Kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý Công ty đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.



a

- Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018; kế hoạch thanh toán cổ tức và phương án dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2017 của Ban Giám đốc điều hành.

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------|--------------------------------------|---|
| 1 | Ông Mai Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT | 543.040 | Tổng Giám đốc Công ty xi măng Hải Phòng |
| 2 | Ông Phạm Thế Hưng | Ủy viên HĐQT | 271.500 | |
| 3 | Ông Lê Văn Thắng | Ủy viên HĐQT | 274.000 | |
| 4 | Ông Vũ Thanh Tùng | Ủy viên HĐQT | 0 | |
| 5 | Ông Nguyễn Lê Văn | Ủy viên HĐQT | 0 | |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban):

+ Ban Tài chính: Ông Phạm Thế Hưng

+ Ban Kinh doanh: Ông Lê Văn Thắng

Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | Số 14A /NQ/HĐQT | 08/03/2018 | Nghị quyết Xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2017. |
| 2 | Số 19 /NQ-HĐQT | 13/03/2018 | Nghị quyết Dự kiến nhân sự bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018. |
| 3 | Số 24 /NQ-HĐQT | 22/03/2018 | Nghị quyết Xác định các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD-ĐT SX năm 2018. |
| 4 | Số 29 /NQ-HĐQT | 22/03/2018 | Nghị quyết Tổng kết công tác SXKD năm 2017; Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018; Sơ kết thực hiện KHSXKD quý 1, định hướng SXKD quý 2 năm 2018. |
| 5 | Số 41B /NQ-HĐQT | 12/04/2018 | Nghị quyết Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường |



| | | | |
|----|-----------------|------------|--|
| | | | niên năm 2018 |
| 6 | Số 48 /NQ-HĐQT | 22/04/2018 | Nghị quyết Đề cử thêm ứng viên tham gia vào HĐQT công ty nhiệm kỳ 2018-2023 để bầu cử trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. |
| 7 | Số 60 /NQ-HĐQT | 26/04/2018 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. |
| 8 | Số 61 /BB-HĐQT | 26/04/2018 | Biên bản họp Bầu Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2018-2023. |
| 9 | Số 62 /BB-HĐQT | 26/04/2018 | Biên bản họp Bầu trưởng Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2018-2023. |
| 10 | Số 66 /NQ-HĐQT | 26/04/2018 | Nghị quyết Thống nhất việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho Trưởng BKS năm 2018 và cử Thư ký HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023. |
| 11 | Số 64 /NQ-HĐQT | 02/05/2018 | Nghị quyết Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT |
| 12 | Số 68 /NQ-HĐQT | 14/05/2018 | Nghị quyết Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng. |
| 13 | Số 74 /NQ-HĐQT | 13/06/2018 | Nghị quyết Chấp thuận ký Hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường. |
| 14 | Số 79 /NQ-HĐQT | 19/07/2018 | Nghị quyết Thông qua kết quả SXKD quý 2 và 6 tháng đầu năm 2018; định hướng SXKD quý 3 và 6 tháng cuối năm 2018. |
| 15 | Số 87 /NQ-HĐQT | 10/08/2018 | Nghị quyết Gia hạn ký HĐLĐ thuê Giám đốc điều hành. |
| 16 | Số 92 /NQ-HĐQT | 15/10/2018 | Nghị quyết Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018; định hướng SXKD quý 4 và cả năm 2018. |
| 17 | Số 95/ BB-ĐDQLV | 30/10/2018 | Biên bản Thống nhất các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2019. |
| 18 | Số 98/ BB-ĐDQLV | 10/12/2018 | Biên bản Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD để thỏa thuận quỹ tiền lương năm 2018. |
| 19 | Số 100/NQ-HĐQT | 20/12/2018 | Nghị quyết Bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty. |

0577
 NG T
 PH
 MAI-D
 TAI XI N
 PHON
 NG T.P

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

d. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Trong năm 2018 HĐQT đã tiến hành được 19 buổi họp với hoạt động của các tiểu ban như sau:

+ Ban tài chính: Hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 bởi công ty TNHH kiểm toán An Việt và công bố thông tin theo quy định; Kiểm kê tại thời điểm 30/06/2018 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2018; Tập trung đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng để bảo toàn vốn; Sử dụng đòn bẩy tài chính, bám sát điểm hòa vốn cho từng hoạt động, quản lý tốt dòng tiền và bám sát mục tiêu ngân sách;

- Tổ chức lập kế hoạch năm 2019 trình HĐQT và báo cáo Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam phê duyệt.

- Tổ chức tốt công tác kiểm kê tại thời điểm 31/12/2018 theo yêu cầu của Kiểm toán và Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

+ Ban kinh doanh: Hoàn thiện các hợp đồng kinh tế 2018; triển khai bán xi măng trong toàn thể CBCNV, tiếp tục vận chuyển xi măng nội đồng tới các xã, thôn thuộc huyện An Lão và An Dương theo văn bản chỉ đạo của Thành phố, khai thác hợp đồng xe khách chạy tua du lịch;

+ Ban kỹ thuật pháp chế: Rà soát lại các thủ tục bán hàng, hoàn thiện hồ sơ công nợ, tiếp tục đôn đốc thu hồi công nợ; tăng cường khâu kiểm tra giám sát thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông; Giải quyết chế độ cho người lao động, tuyển dụng nhân sự.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát gồm :

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Số cổ phần | Ghi chú |
|-----|--------------------|---|------------|---------|
| 1 | Bà Lê Thị Hạnh | Trưởng BKS | 0 | |
| 2 | Bà Trịnh Thị Hương | Chuyên viên Phòng Tài chính-Kế toán & Nguồn vốn Vicem | 500 | |
| 3 | Ông Trần Văn Tư | Ủy viên Ban kiểm soát | 0 | |

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

Hoạt động của Ban kiểm soát đi liền với hoạt động của Công ty, định kỳ hàng quý Ban kiểm soát triệu tập để hội ý cũng như kiểm tra rà soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty theo quy định hiện hành nhằm chấn chỉnh, tham gia, góp ý kịp thời với các phòng ban nghiệp vụ cũng như tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành về công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ):

Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đ/tháng
- + Ủy viên HĐQT: 4.000.000 đ/tháng
- + Trưởng BKS: 10.000.000 đ/tháng
- + Ủy viên BKS: 3.000.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Trong kỳ không có phát sinh.



a

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Trong kỳ không có phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): BKS đã thực hiện đúng chức năng quyền hạn trong việc giám sát hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp):

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt được đăng tải trên Website của công ty: <http://vtxmhp.com>

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc
- UBCK NN
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Đăng Website
- Lưu KTTC, VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Giám đốc Công ty

Khoa Năng Tuyên